

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Huy N, sinh năm 1973, cư trú tại: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 12/2017/QĐDS-ST ngày 08/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Huy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị Đ qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân vào ngày 06/11/1995, sau khi kết hôn được 9 ngày thì anh N bị tai nạn giao thông làm cụt một chân, chị Đ có chăm sóc anh N khoảng 5 tháng thì bỏ nhà đi khỏi địa phương, không nói gì với anh N. Anh N và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi, nhưng không có tin tức về chị Đ, nên anh N đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân tuyên bố chị Bùi Thị Đ là người mất tích. Sau khi thực hiện đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm theo quy định pháp luật, nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc chị Đ còn sống hay đã chết. Ngày 08/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố chị Bùi Thị Đ là người mất tích; Đến nay anh N vẫn không có tin tức xác thực về chị Đ. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: anh N xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Lê Huy N vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Bùi Thị Đ vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là người mất tích, hiện không có tin tức xác thực đang ở đâu, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn; Bị đơn đã tự từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa theo vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho anh Lê Huy N được ly hôn với chị Bùi Thị Đ; Về con chung và tài sản chung: không xem xét giải quyết; Về án phí: anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Huy N khởi kiện đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Đ, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Bùi Thị Đ đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về chị Đ; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Huy N và chị Bùi Thị Đ qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/11/1995, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được ít ngày thì anh N bị tai nạn giao thông làm cụt một chân, chị Đ có chăm sóc anh N một thời gian thì bỏ nhà đi biệt tích, tại Quyết định số 12/2017/QĐDS-ST ngày 08/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố chị Bùi Thị Đ là người mất tích; Đến nay anh N vẫn không có tin tức xác thực về chị Đ còn sống hay đã chết. Nay anh N có đơn yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu xin được giải quyết ly hôn của anh N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận xử cho anh Lê Huy N được ly hôn với chị Bùi Thị Đ.

[3] Về con chung: Anh Lê Huy N xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị Bùi Thị Đ không có lời khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phân tài sản: Anh Lê Huy N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị Bùi Thị Đ không có lời khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Huy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Huy N,

Anh Lê Huy N được ly hôn với chị Bùi Thị Đ.

2. *Về con chung*: Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Lê Huy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh N đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000634 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Anh Lê Huy N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến